

# Tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam hiện nay - vấn đề và giải pháp

PGS. TSKH. VÕ ĐẠI LƯỢC\*

## I. HIỆN TÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI

I.1. Từ Quý IV/2008, đặc biệt là 3 tháng đầu năm 2009, tình hình kinh tế thế giới đã có những dấu hiệu xấu đi rõ rệt. Tốc độ tăng trưởng giảm nặng hơn so với đầu năm 2008, các chỉ số chứng khoán tiếp tục giảm, kim ngạch thương mại giảm sút ở hầu khắp các nước, nền kinh tế thực bắt đầu suy giảm, đặc biệt là những ngành công nghiệp trụ cột, số công ty phá sản gia tăng, số người thất nghiệp tăng mạnh, các gói cứu trợ của các chính phủ ào ạt được tung ra nhưng tác động thực tế chưa rõ, lòng tin của xã hội tiếp tục suy giảm, cơn bão đã tràn vào tất cả các nước, kể cả các nền kinh tế được kỳ vọng có thể trụ vững như Trung Quốc, Ấn Độ, và điều đáng lưu ý là đáy của cuộc khủng hoảng này vẫn chưa xuất hiện, do vậy tầm cỡ, tác động của nó đến đâu chưa thể có những dự báo tin cậy. Một vài tín hiệu cải thiện ở Mỹ trong những tháng gần đây chưa đủ tin cậy để đảm bảo rằng nền kinh tế Mỹ đã bắt đầu hồi phục.

Có thể có hai khả năng xảy ra:

*Thứ nhất, đây là một cuộc đại khủng hoảng kinh tế toàn cầu lớn nhất kể sau từ cuộc đại khủng hoảng 1929 - 1933. Dường như đã có sự nhất trí cao về khả năng thứ nhất này. Nhưng*

vấn đề đặt ra là mức độ và tầm cỡ của cuộc khủng hoảng hiện nay kém cuộc khủng hoảng 1929 - 1933 ở những điểm nào.

- Về mức độ, cuộc khủng hoảng 1929 - 1933 đã làm cho sản xuất của thế giới giảm tới 44%, ở một số nước đã giảm tới 50 - 60%, kinh tế thế giới tụt lùi 20 - 30 năm, số người thất nghiệp lên tới 30 - 40 triệu, chỉ số D. John của Mỹ tính đến tháng 7/1932 đã giảm tới 89%, kinh tế Mỹ đã tăng trưởng âm kéo dài 10 năm,...

Cuộc khủng hoảng lần này có thể sẽ không đạt tới mức độ đó. Lý do là nền sản xuất thực gồm công nghiệp, nông nghiệp, một số ngành dịch vụ,... có thể tính được cung cầu bằng những công nghệ tính toán dự báo hiện đại, do vậy, sự suy giảm có thể có nhưng sẽ không lớn như 1929 - 1933. Các chỉ số chứng khoán giảm tới 80 - 90%, tăng trưởng kinh tế âm tới cả một thập kỷ - cũng là một điều khó có thể nghĩ tới. Cuộc đại khủng hoảng 1929 - 1933 về cơ bản là cuộc đại khủng hoảng thừa hàng hoá, dẫn tới khủng hoảng tài chính - tiền tệ, do vậy mức độ tàn phá khác với cuộc khủng hoảng hiện nay - không có tính chất của một cuộc khủng hoảng thừa hàng hoá.

Cuộc khủng hoảng 1929 - 1933 là cuộc khủng hoảng về thể chế và kết cấu kinh tế, với

\* Trung tâm Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương

nghĩa là kinh tế thị trường đã hoàn toàn tự do hành động, dường như không có sự điều tiết đáng kể của nhà nước, kết cấu kinh tế chủ yếu dựa trên kỹ thuật cơ - điện; sự phát triển của thể chế kinh tế thị trường tự do và kỹ thuật cơ điện đã tới giới hạn, không thể tiếp tục. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã chấm dứt thời đại kinh tế thị trường tự do và kỹ thuật cơ điện, và đưa thế giới tới một thời đại mới: kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước và nền kỹ thuật cơ - điện tử. Vậy, cuộc khủng hoảng kinh tế lần này liệu có ở tầm cỡ đó không? Về thể chế kinh tế ta thấy không có khả năng nào chấm dứt thể chế kinh tế thị trường có sự điều tiết, chỉ có khả năng gia tăng sự điều tiết của nhà nước ở mức hợp lý nào đó; chưa có khả năng chấm dứt nền văn minh công nghiệp, chuyển hẳn sang nền văn minh kinh tế trí thức, nhưng có khả năng chuyển mạnh hơn sang văn minh công nghiệp kỹ thuật cao.

Do vậy, những dự báo đánh giá của khủng hoảng kinh tế lần này dù lớn cũng khó vượt qua cuộc khủng hoảng 1929 - 1933 là có cơ sở.

*Thứ hai, đây là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu ở tầm cỡ 1929 - 1933 và có thể cao hơn.*

Lý do là, nền kinh tế thế giới giờ đây về cơ bản vẫn là nền kinh tế công nghiệp, tiêu dùng các tài nguyên không tái tạo, gây ô nhiễm môi trường nặng nề, năng suất ngày càng giảm, các vấn đề xã hội ngày càng bức xúc... Nền kinh tế công nghiệp này đã tới giới hạn phải chấm dứt, vì tài nguyên thiên nhiên đã cạn kiệt gần hết, chỉ tồn tại được khoảng 40 - 150 năm nữa (với tốc độ tăng trưởng 3 - 4% năm); môi trường đã bị phá hoại đến mức không thể tiếp tục - trái đất đã nóng lên, tầng ô zôn đã thủng, các nguồn nước ngọt đang cạn kiệt, quỹ đất canh tác bị thu hẹp; năng suất lao động ngày càng giảm, tốc độ tăng trưởng tiếp tục giảm dần từ 5% thập kỷ 60, chỉ còn dưới 3% thập kỷ 90 (thế kỷ XX), và thập kỷ này có thể chỉ đạt 2%; những vấn đề xã

hội bức xúc như: chênh lệch giàu nghèo, chủ nghĩa khủng bố; xung đột sắc tộc và tôn giáo,... chưa có cách giải quyết. Lối thoát dường như chỉ có một - *đó là cải cách thể chế và đổi mới công nghệ*. Cả hai định hướng này hiện đều bế tắc, vì lợi ích của các tập đoàn, các chính khách chủ yếu vẫn gắn kết chặt chẽ với thể chế và công nghệ hiện hành. Họ sẽ mất vị thế và lợi ích nếu nó thay đổi. Điều đó giải thích tại sao, các nhà khoa học tầm cỡ giải Nobel ở Mỹ cũng chỉ có thu nhập hàng năm khoảng vài trăm ngàn USD, thua xa so với thu nhập của một cầu thủ bóng đá giỏi, càng quá thấp so với thu nhập của các chính khách và đại gia. Những người sáng tạo ra các ý tưởng phát triển chưa được trọng dụng ở khắp nơi, thì làm sao thế giới có thể phát triển. Liệu cuộc khủng hoảng kinh tế lần này có tới mức đẩy các đại gia và chính khách vào chân tường để thay đổi công nghệ và thể chế. Nếu cuộc đại khủng hoảng kinh tế lần này mở đầu cho một thời kỳ đổi mới căn bản đó, thì nó sẽ có tầm cỡ của cuộc đại khủng hoảng 1929 - 1933, và nó sẽ là một nhân tố sáng tạo ra một thời đại phát triển mới của nhân loại.

Cho đến nay, chưa có đủ căn cứ khẳng định khả năng thứ hai của cuộc khủng hoảng, nhưng một chính phủ có tầm nhìn xa không thể bỏ qua khả năng thứ hai này.

## **I.2. Tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu hiện nay**

Tác động dễ thấy nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay là: tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, xuất nhập khẩu giảm, làn sóng phá sản công ty gia tăng, số người thất nghiệp tăng hàng ngày,... những tổn thất do cuộc khủng hoảng này gây ra ước khoảng 50 - 60 ngàn tỷ USD (tương đương với GDP toàn cầu),... Mức độ tác động ngày càng nghiêm trọng hơn, phạm vi tác động ngày càng lan rộng hiện đã bao gồm hầu hết các ngành, các quốc gia, đang chuyển từ kinh tế đến chính trị - xã hội, cũng như trong quan hệ quốc tế.

Người ta đang có kỳ vọng vào sự trụ vững của kinh tế Trung Quốc, vì nước này có dự trữ ngoại tệ lớn (2000 tỷ USD), xuất siêu cao, thị trường lớn,... nhưng kinh tế Mỹ vào trước cuộc khủng hoảng 1929, cũng đã có xuất siêu lớn nhất thế giới, dự trữ ngoại tệ hàng đầu thế giới, vậy mà đã lâm vào khủng hoảng nặng nề nhất, đã tăng trưởng âm gần như cả thập kỷ. Quý IV/2008 tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đã giảm xuống chỉ còn trên 6%, tháng 1/2009 xuất khẩu của Trung Quốc đã giảm 17,5%, nhập khẩu đã giảm nặng hơn tới 43%. Hàng ngàn xí nghiệp Trung Quốc đã phá sản, năm 2008 đã có 20 triệu người thất nghiệp... những dấu hiệu này cho thấy nền kinh tế Trung Quốc đang khó tránh khỏi một cuộc suy thoái. Nếu kinh tế Trung Quốc cũng sẽ lâm vào một cuộc khủng hoảng lớn, thì tác động của cuộc khủng hoảng này đối với kinh tế thế giới sẽ không thể là nhỏ và sẽ làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay sâu đậm hơn nữa.

*Cuộc khủng hoảng này có làm trật tự thế giới thay đổi?* Nếu kinh tế Mỹ suy yếu trầm trọng nhất, trong khi các nước khác, đặc biệt là Trung Quốc, ít suy yếu hơn, thì có khả năng Trung Quốc sẽ vươn lên nhanh hơn sau khủng hoảng và có thể trật tự quốc tế sẽ chuyển đổi theo hướng đa cực hơn có lợi cho Trung Quốc. Nhưng nếu Trung Quốc sẽ lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng hơn Mỹ, thì không có khả năng gì cho Trung Quốc vượt lên trên Mỹ. Tuy nhiên, khả năng thứ ba không thể loại trừ, vì Mỹ có nhiều tiềm năng hơn về cả khoa học, công nghệ, ý tưởng phát triển, nếu bị dồn vào chân tường Mỹ phải cải cách mạnh hơn, đổi mới lớn hơn, nên Mỹ có thể lại sớm thoát ra khỏi khủng hoảng và bước vào thời kỳ phát triển mới, và do vậy vẫn có thể duy trì ngôi vị đầu bảng thế giới.

*Mỹ - Trung có thể liên minh chặt chẽ hơn, hay sẽ lỏng lẻo hơn?* Đây cũng là một câu hỏi quan trọng. Cho đến nay, quan hệ Mỹ - Trung

tuy không chính thức là một liên minh, nhưng rõ ràng sự hợp tác Mỹ - Trung đã liên tục gia tăng, từ hợp tác vụ việc đang tiến tới hợp tác chiến lược, đang hình thành cơ chế hợp tác ở cấp thượng đỉnh, cấp Phó tổng thống, trao đổi cấp chiến lược, hợp tác kinh tế toàn diện, trừ hai lĩnh vực có mức hạn chế hơn đó là chuyển nhượng công nghệ cao và công nghệ quốc phòng chiến lược. Cuộc khủng hoảng lần này có thể gia tăng căng thẳng trong quan hệ mậu dịch Trung - Mỹ, nhưng Mỹ và Trung Quốc chắc chắn sẽ phải hợp tác chặt chẽ hơn để giải quyết các vấn đề do cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay đặt ra. Một biểu hiện của sự điều chỉnh này là Ngoại trưởng Mỹ H. Clinton đi thăm Đông Á đầu tiên, mà trọng điểm là thăm Trung Quốc. Nếu quan hệ Trung - Mỹ phát triển theo chiều hướng chặt chẽ hơn, thì trật tự quốc tế sẽ đi theo một hướng điều chỉnh mới - Mỹ sẽ không một mình quyết định thế giới như trước, mà sẽ cùng Trung Quốc chi phối thế giới. Nếu chiều hướng này sẽ thực sự diễn ra, thì chính sách của các quốc gia sẽ phải có những điều chỉnh thích hợp.

*Khủng hoảng kinh tế thế giới lần này liệu có dẫn đến chiến tranh thế giới, cục bộ, hay chiến tranh kinh tế?* Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 đã dẫn đến Chiến tranh Thế giới thứ Hai, vì mâu thuẫn giữa các nước đế quốc đã không thể xử lý được bằng đối thoại, do vậy chiến tranh đã là một giải pháp. Cuộc đại suy thoái 1929 - 1933 đã đầu tiên dẫn tới chiến tranh kinh tế - các quốc gia thực thi chính sách bảo hộ. Khi bảo hộ trở thành quốc sách của mọi nước, thì thương mại thế giới rơi vào tăng trưởng âm, càng làm cho khủng hoảng sâu đậm hơn. Lối thoát lúc đó là chuyển từ chiến tranh kinh tế sang chiến tranh quân sự - đại chiến nổ ra, thị trường thế giới được phân chia lại bằng chiến tranh sau đó theo các Hiệp định của GATT, tiền tệ được điều chỉnh bởi IMF. Cuộc khủng hoảng kinh tế lần này đã có những chiều hướng bảo hộ xuất hiện, tuy mọi quốc gia đều lên tiếng phê phán. Lần bảo hộ này không

phải bằng chính sách thuế quan và phi thuế quan, mà bằng chính sách trợ cấp, bao cấp của nhà nước cho các ngành kinh tế lâm nguy - ngành ô tô là một ví dụ. Nhưng người ta thấy ít có nguy cơ của một cuộc chiến tranh kinh tế lan rộng và do vậy nguy cơ của một cuộc chiến tranh thế giới cũng khó xảy ra, vì toàn cầu hóa đã phát triển quá mạnh, lợi ích của các quốc gia đã quá đan xen vào nhau, và do vậy chiến tranh kiểu gì cũng có nghĩa là chết, mà chết không chỉ cho một phía, mà chết cho tất cả các phía tham chiến.

*Các mô hình phát triển liệu có bị điều chỉnh bởi cuộc khủng hoảng kinh tế lần này?* Khi khủng hoảng tài chính nổ ra ở Mỹ, không ít người đã phê phán mô hình phát triển Mỹ là không thể chấp nhận. Khủng hoảng kinh tế nay đã lan sang cả châu Âu, Đông Á, và cả Trung Quốc cũng sẽ không thể tránh khỏi. Vậy, có mô hình phát triển nào có thể xem là khả dĩ bền vững? Dường như cũng đang có một cuộc khủng hoảng mô hình phát triển. Nhà nước điều tiết ít quá như mô hình Mỹ đã không ổn, nhưng nhà nước điều tiết nhiều quá như ở Đông Á sẽ càng không ổn hơn, đầu tư cho phúc lợi xã hội lớn như mô hình châu Âu cũng bất cập. Một mô hình phát triển hợp lý, phù hợp trong điều kiện mới - hiện vẫn là một câu hỏi, chưa có câu trả lời thỏa đáng.

*Các giải pháp của các chính phủ liệu đã có tác dụng?* Cho đến nay, có thể thấy các chính phủ đã ào ạt đưa ra các giải pháp chủ yếu là về tiền tệ và tài chính. Các ngân hàng trung ương đã bơm hàng ngàn tỷ USD cho các ngân hàng thương mại; các chính phủ cũng đã bỏ hàng ngàn tỷ USD cho các dự án kích cầu; nhiều ngân hàng thương mại đã được các chính phủ cứu trợ; chương trình giảm thuế, hạ lãi suất, trợ cấp thất nghiệp đã được áp dụng rộng rãi v.v.. Tuy nhiên, phải thừa nhận là tác động thực tế của các giải pháp này hiện là chưa rõ rệt dù như đó là những giải pháp chưa từng có trong lịch sử, kể cả trong thời kỳ đại khủng hoảng 1929 -

1933. Xem xét những gói giải pháp của các chính phủ ta thấy:

*Thứ nhất*, về quy mô lớn chưa từng có - lãi suất đã giảm xuống thấp nhất trong hàng chục năm gần đây, khối lượng tiền các ngân hàng trung ương đổ vào các ngân hàng thương mại cũng lớn chưa từng có, tiền của chính phủ tung ra cũng vậy,...

*Thứ hai*, hầu như tất cả các quốc gia đã đồng loạt đưa ra các giải pháp ứng phó, đây cũng là điều chưa từng có.

*Thứ ba*, định hướng cứu trợ cũng rõ ràng: cứu các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư chủ chốt, và những tập đoàn công nghiệp lớn;

*Thứ tư*, tập trung vào cơ sở hạ tầng, đổi mới công nghệ hướng tới công nghệ cao, công nghệ sạch, tăng đầu tư cho giáo dục, y tế.

*Thứ năm*, tất cả các chính phủ đều tuyên bố ủng hộ tự do hoá thương mại, phê phán chủ nghĩa bảo hộ, tôn trọng các nguyên tắc của thị trường.

Sự khác biệt giữa các chính phủ là ở mức độ nhanh, chậm, nặng, nhẹ, nhưng về cơ bản là giống nhau.

Tuy nhiên, những giải pháp về đổi mới thể chế và kết cấu hiện còn rất mờ nhạt, dù như một số chính phủ đã nói tới đổi mới thể chế tài chính, phát triển mạnh các ngành công nghệ cao, kiện toàn đổi mới các tổ chức kinh tế quốc tế.

## II. TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆT NAM VÀ CÁC GIẢI PHÁP

Mọi người dễ đồng ý là cuộc khủng hoảng lần này đang tác động lớn, cả trực tiếp và gián tiếp, cả trước mắt và lâu dài đến Việt Nam. Nhưng mức độ thế nào, lớn nhỏ ra sao, sâu rộng đến đâu, ứng phó ra sao - vẫn đang là một vấn đề cần được đầu tư nghiên cứu.

Những đánh giá của chúng ta cho đến nay mới chỉ dựa trên những dự báo khủng hoảng kinh tế thế giới ở mức độ nghiêm trọng, nhưng

diễn ra đến hết Quý II/2009, tác động đến Việt Nam chỉ hạn chế trên một số lĩnh vực kinh tế. Do nhiều lý do, khủng hoảng kinh tế thế giới tác động đến nước ta thường chậm hơn, có một độ trễ. Một khi cuộc khủng hoảng này chưa chạm đáy, và nhiều dự báo cho rằng phải hết năm 2009 mới chạm đáy; thì tác động của nó tới Việt Nam có thể chậm hơn và dài hơn. Các giải pháp của Chính phủ đề ra rất đúng về định hướng, nhưng mức độ, biện pháp cụ thể có thể còn thảo luận.

- Những tín hiệu kinh tế Quý I/2009 của Việt Nam thực sự xấu hơn Quý IV/2008 với kim ngạch xuất khẩu, trừ xuất khẩu vàng, kim ngạch nhập khẩu đều giảm ở mức âm, tăng trưởng công nghiệp thấp - đây là những tín hiệu hiếm hoi trong hàng chục năm nay. Liệu tình hình này có tiếp tục trong các tháng tới?

- Một số giải pháp cụ thể quan trọng của Chính phủ: giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 30%; liên tục hạ thấp lãi suất cơ bản, giảm dự trữ bắt buộc, nới lỏng tín dụng sử dụng 17 ngàn tỷ VNĐ cho kích cầu thông qua việc trợ cấp lãi suất 4%, trợ cấp cho mỗi người nghèo 200.000 đ trong dịp Tết Kỷ Sửu cho vay hỗ trợ tiêu dùng hàng nội địa, v.v. Nói chung, những giải pháp này đã tập trung vào hai lĩnh vực: nới lỏng tiền tệ, tín dụng, tài chính; trợ cấp cho người nghèo. Định hướng như vậy là đúng, nhưng khi phân tích cụ thể ta thấy có những vấn đề cần phải được thảo luận.

*Thứ nhất*, hỗ trợ lãi suất 4% cho các doanh nghiệp, tuy sẽ có tác dụng gỡ bớt khó khăn nhất thời cho doanh nghiệp, khai thông một phần dòng tín dụng đang tắc..., nhưng có thể sẽ có những hệ quả tiêu cực:

- Đây là giải pháp kích cung, chứ không kích cầu, nghĩa là làm cho doanh nghiệp khó hơn nếu họ gia tăng sản xuất không có nơi tiêu thụ, không thu được vốn, không trả nợ được ngân hàng. Cái khó lớn nhất của các doanh nghiệp sản xuất là không có thị trường vẫn chưa được giải quyết.

- Tạo ra một mặt bằng hai lãi suất khác nhau trên một thị trường, một loại lãi suất bao cấp trái với các nguyên tắc của thị trường.

- Tạo ra một nguồn vốn rẻ với điều kiện vay dễ dãi, khó thẩm định, khó kiểm tra sẽ dẫn tới hệ quả đầu tư kém hiệu quả bất chấp mọi sự kiểm soát;

- Tạo ra tăng trưởng bùng nổ của tín dụng với số lượng tín dụng tăng thêm hàng trăm ngàn tỷ đồng, cộng với lãi suất thấp, dự trữ bắt buộc giảm thấp, điều kiện cho vay dễ dãi, nguy cơ tái lạm phát sẽ là lớn trong dài hạn.

- Tạo ra khe hở cho bệnh tham nhũng phát triển.

Những hệ quả này cần phải có tính toán, giám sát cụ thể để xử lý.

*Thứ hai*, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp 30%, giảm thuế giá trị gia tăng; đây cũng là biện pháp kích cung nhiều hơn, hỗ trợ cho người sản xuất, nhưng nếu họ không bán được hàng, thì làm gì có thu nhập mà giảm. Tuy nhiên, giải pháp này đã có tác động nào đó giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp.

*Thứ ba*, giãn thuế thu nhập cá nhân, trợ cấp cho mỗi người nghèo 200.000đ vào dịp Tết nguyên đán vừa qua, đây đúng là giải pháp kích cầu và được lòng dân nhất, nhưng đây là Chính phủ đã cho họ con cá ăn ngay, chứ vẫn không có cần câu để câu cá. Hơn nữa người nghèo đã dùng bao nhiêu trong số 200.000đ đó để mua hàng Trung Quốc và hàng Việt Nam, chắc chắn là có một phần số tiền đó đã mua hàng Trung Quốc và hàng nhập khẩu khác - thế là ta kích cầu cho thiên hạ. Giãn thuế thu nhập cá nhân chứ chưa phải miễn giảm, do vậy tác động kích cầu hạn chế.

*Thứ tư*, liên tục hạ lãi suất cơ bản, đây là tín hiệu tốt khuyến cáo thị trường hạ lãi suất. Tuy nhiên, nó chỉ có một tác dụng định trần lãi suất cho vay. Trong điều kiện hiện nay trần lãi suất cho vay (150% lãi suất cơ bản) lại không phù

Giá VND so với USD trong 3 năm gần đây đã bị tăng, theo nhiều chuyên gia ước khoảng 20 - 25%. Nguyên nhân là lạm phát ở Việt Nam cao hơn ở Mỹ,... Hệ quả của VND tăng giá là: làm tăng giá hàng xuất khẩu có hại cho các ngành xuất khẩu của Việt Nam chiếm lĩnh thị trường bên ngoài; giảm giá hàng nhập khẩu - gia tăng thế mạnh của hàng hóa nhập khẩu, bóp chết các ngành sản xuất kinh doanh trong nước; khuyến khích các dòng vốn gián tiếp đầu cơ v.v.

Những lập luận bảo vệ cho việc ổn định tỷ giá, duy trì mức giá cao của VND là không có căn cứ:

- *Ta nợ nước ngoài tới 18 - 20 tỷ USD, nếu VND hạ giá sẽ làm tăng gánh nặng trả nợ.* Quả là có việc đó, nhưng nếu phân tích kỹ, thì không hẳn đã là như vậy. Giả định nợ nước ngoài của Việt Nam là 18 tỷ USD, lãi suất quân bình phải trả nợ trong năm 2009 là 5% (phần lớn nợ chính phủ là ODA, lãi suất thấp), thì tổng số tiền phải trả lãi là 900 triệu USD, nếu hạ giá VND 10%, thì số thiệt hại sẽ là 90 triệu. Nếu tính cả số nợ đến hạn phải trả nữa thì số thiệt hại cũng chỉ vài trăm triệu USD. Nhưng Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam đã nợ bằng VND khá lớn, lớn hơn nợ bằng USD, do vậy cái hại do nợ bằng USD sẽ được bù lại do mỗi lợi từ những khoản nợ bằng VND khi giá VND được hạ thấp.

- *Không kích thích được xuất khẩu, vì hàng xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là nông sản, hải sản, khoáng sản... là những sản phẩm bị giới hạn bởi điều kiện tự nhiên, dù có hạ giá VND cũng không có tác dụng.* Điều đó đúng. Nhưng thực tế là nếu hạ giá VND thì lợi ích của những người xuất khẩu các mặt hàng này sẽ được tăng lên, khả năng cạnh tranh giữ vững thị phần sẽ cao hơn. Các sản phẩm gia công chế biến xuất khẩu sẽ không hề bị ảnh hưởng, vì sự tăng giá nguyên vật liệu, linh kiện khi nhập khẩu sẽ được bù lại khi xuất khẩu do hàng xuất

- khẩu sẽ được tăng giá tương ứng. Lợi ích đặc biệt đáng chú ý là khi hàng nhập khẩu tăng giá tạo ra một hàng rào bảo hộ bằng tỷ giá vững chắc cho kinh doanh nội địa. Đây mới là cái lợi lớn đặc biệt trong điều kiện khủng hoảng hiện nay.

- *Kích hoạt lạm phát gia tăng.* Xét theo lôgic hình thức thì đúng, vì hạ giá VND sẽ làm tăng giá hàng nhập ngay, và sẽ dẫn đến lạm phát. Tuy nhiên, thực tế đã không diễn ra đơn giản như vậy, vì nhu cầu có khả năng thanh toán của thị trường Việt Nam là có hạn, các hàng nhập khẩu tăng giá, lập tức dân chúng tiết giảm chi tiêu, giảm cầu và không mua hàng đó nữa, do vậy giá hàng nhập khẩu đã không tăng theo cùng với sự hạ giá VND. Thực tế những năm 1998 - 2000, VND đã hạ giá tới khoảng 20% nhưng đã không làm tăng lạm phát, thậm chí VND đã rơi vào thiếu phát. Hiện nay, mức lạm phát đã âm 3 tháng cuối 2008 và tăng rất thấp trong các tháng 1 và 2/2009 do vậy, thời cơ điều chỉnh tỷ giá càng thuận hơn đối với những ai sợ tái lạm phát.

Vấn đề đặt ra là mức độ điều chỉnh và phương thức điều chỉnh nên thế nào?

Về mức độ điều chỉnh, tốt nhất là đưa giá danh nghĩa của VND về sát giá thực tế của nó - cần có sự tính toán khoa học và chính xác.

Về phương thức điều chỉnh - theo thị trường - nới rộng biên độ, và từ từ, từng bước. Tuy nhiên, không nên kéo quá dài thời kỳ điều chỉnh, vì sẽ không còn tác dụng đối phó với khủng hoảng, chỉ nên kéo dài tối đa trong 6 tháng.

+ *Lãi suất*

- Bỏ chính sách lãi suất cơ bản với trần 150%, vì chính sách này không có tác dụng thực tế điều chỉnh lãi suất, chỉ có tác dụng không chế trần lãi suất một cách phi thị trường. Nên thay vào đó bằng *chính sách lãi suất điều tiết thực tế* của Ngân hàng Nhà

nước. Nghĩa là ngân hàng nhà nước cho các ngân hàng thương mại vay tiền với lãi suất điều tiết có thể rất thấp tại thị trường mở, từ đó các ngân hàng thương mại cho vay theo lãi suất tương thích với lãi suất của Ngân hàng Nhà nước.

- Điều chỉnh gói lãi suất ưu đãi giảm 4% theo hướng: giảm về khối lượng, hạn chế đối tượng được hưởng với những quy định rõ ràng không trợ giúp tất cả, mà chỉ trợ giúp những doanh nghiệp có thể phát triển mình bạch về điều kiện vay, và tổ chức giám sát chặt chẽ những sai phạm.

#### + Giảm thuế

Giảm thuế là một biện pháp ứng phó với khủng hoảng được các giới đánh giá cao, hiện chiếm vào khoảng trên dưới 40% gói giải cứu của các chính phủ. Định hướng giảm thuế chủ yếu cho đến nay vào nông dân, vào người nghèo và giới trung lưu để kích cầu tiêu dùng. Chính phủ Việt Nam đang áp dụng các biện pháp về thuế: giảm và giãn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số nhóm hàng hoá và dịch vụ, giãn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp sản xuất gia công chế biến nhóm hàng ưu tiên, khuyến khích... Những giải pháp giảm thuế này hiện chủ yếu lại chỉ tập trung vào các doanh nghiệp, nghĩa là vẫn kích cung, còn thuế thu nhập cá nhân chỉ giãn thời hạn nộp, chứ chưa có miễn giảm gì, điều đó có nghĩa là chưa thể kích cầu tiêu dùng gì được.

Kiến nghị là nên chuyển mạnh hơn sang kích cầu tiêu dùng, chẳng hạn: tạm dừng thời hạn thực hiện thuế thu nhập cá nhân ít nhất một năm đến hai năm nữa, miễn thuế chuyển nhượng nhà đất v.v.

#### + Những giải pháp an sinh

Hiện nay luật về trợ cấp thất nghiệp còn đang trong quá trình soạn thảo, cần sớm ban

hành đạo luật này để hỗ trợ những người thất nghiệp về thu nhập, về đào tạo nghề, về chuyển đổi nghề nghiệp v.v.

+ Khuyến khích đầu tư và tiêu dùng bất động sản với các chính sách tín dụng khuyến khích, hỗ trợ giải phóng mặt bằng v.v.

### III. NHỮNG GIẢI PHÁP DÀI HẠN

- Gia tăng đầu tư cho cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông vận tải, điện,... hiện đang là nút thắt quan trọng đối với sự phát triển của Việt Nam. Xin dẫn ra đây một vài số liệu của Trung Quốc, năm 1986 Trung Quốc không có 1km đường cao tốc nào, nhưng đến năm 2006, Trung Quốc đã có 41.000 km đường cao tốc, chỉ sau Mỹ, năm 2020 Trung Quốc dự kiến sẽ có 85.000 km đường cao tốc. Năm 1998, Trung Quốc công bố dành 750 tỷ USD để xây dựng cơ sở hạ tầng trong ba năm, nghĩa là mỗi năm 250 tỷ USD. Nếu tính theo quy mô dân số, thì ở mức tương đương, Việt Nam phải đầu tư khoảng 16,2 tỷ USD/1 năm cho cơ sở hạ tầng. Mức đầu tư cơ sở hạ tầng của Việt Nam cho đến nay đã thấp hơn nhiều, đó là một trong các nguyên nhân của sự tụt hậu. Hơn nữa, định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống giao thông của Việt Nam hiện chưa phù hợp với thực tế. Việt Nam có 3.260 km đường biển kéo dài cả nước, Việt Nam là một nước ven biển đáng ra phải phát triển mạnh mẽ vận tải biển, với chi phí thấp hơn các loại vận tải khác, nhưng vận tải biển hiện lại quá lạc hậu; Việt Nam chỉ có 1.150 tàu biển, chỉ chiếm 20% thị trường vận tải, không có cảng trung chuyển quốc tế, không có hệ thống vận tải liên thông. Vận tải hàng hóa vẫn chủ yếu trên các tuyến đường bộ Bắc - Nam.

Kiến nghị là cần quy hoạch lại hệ thống vận tải Việt Nam theo hướng lấy vận tải đường biển Bắc - Nam là chính, xây dựng các tuyến đường bộ hiện đại Đông - Tây thông ra các cảng biển, xây dựng hệ thống vận tải liên hoàn công-ten-nơ kết hợp các loại hình vận tải. Gia tăng đầu tư cho các dự án đã có quy hoạch đang xây dựng, và sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

Hàng chục tỷ USD dành cho dự án giao thông vận tải trên đây trong những năm trước mắt là điều cần thiết, và có tác dụng kích cầu đầu tư và tiêu dùng rõ rệt, thiết thực. Xi măng, sắt thép, cát sỏi, gạch, lao động, tiền vốn,... sẽ được thu hút vào các dự án này. Chắc chắn sẽ có hiệu quả to lớn đối với sự phát triển kinh tế Việt Nam, dù có thất thoát.

Các chương trình phát triển điện, viễn thông cũng theo hướng này. Nhưng ưu tiên hàng đầu phải là chương trình phát triển giao thông vận tải, vì nó thu hút nhiều vốn, lao động, vật tư, ... và có sức đột phá lớn.

*- Đầu tư cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế*

Cơ cấu kinh tế Việt Nam quá lạc hậu – có nhu cầu bức xúc phải chuyển đổi. Và điều quyết định cho sự chuyển đổi này là phải phát triển, ứng dụng khoa học – công nghệ nhập khẩu vì Việt Nam đi sau có cơ hội to lớn này, phải tận dụng. Ở đây cũng xin dẫn chứng ví dụ về Trung Quốc. Năm 2006 Trung Quốc đã ký 10.538 hợp đồng nhập khẩu công nghệ với giá trị 22,02 tỷ USD, tăng 15% so với 2005, trong đó thuê quyền sử dụng công nghệ 14,76 tỷ USD, chiếm 67%, mua giấy phép – 7,28 tỷ USD chiếm 33%, nhập chủ yếu từ châu Âu, Nhật, Mỹ. Cho đến nay hầu như Việt Nam chưa làm điều này. Đây là một trong các nguyên nhân làm cho cơ cấu kinh tế Việt Nam lạc hậu.

Kiến nghị là cần gia tăng đầu tư của nhà nước và tư nhân vào việc nhập khẩu và ứng dụng công nghệ mới và đây cũng là thời cơ có thể có do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu tạo ra. Và chỉ có phát triển theo hướng này mới có thể tạo ra sự đột phá cho phát triển.

*- Đầu tư cho giáo dục và y tế*

Trước hết cần tập trung đầu tư cho xây dựng các trường học và bệnh viện ở nông thôn – tăng việc làm và sử dụng vật tư ở nông thôn.

Tăng trợ cấp cho sinh viên nghèo và giáo viên.

*- Đổi mới thể chế*

Những vấn đề thể chế bức xúc cần được đổi mới có thể liệt kê:

- Những thể chế tài chính, ngân hàng, bất động sản thiếu công khai, minh bạch, ẩn chứa các rủi ro, phi thị trường... cần được nghiên cứu, liệt kê để định hướng đổi mới

- Các thể chế hành chính quan liêu, những nhiễu làm chậm trễ, ảnh hưởng xấu tới quá trình thực thi pháp luật,... cũng phải được liệt kê để nghiên cứu đổi mới.

- Các tập đoàn kinh tế nhà nước cần được nghiên cứu, đánh giá tổng kết để đổi mới theo hướng kiểm soát độc quyền, cổ phần hóa, công khai minh bạch.

- Cần xây dựng thí điểm một số khu kinh tế tự do theo hướng quốc tế hóa, hiện đại hóa, và thực hiện thí điểm các thể chế ở đây.

- Hướng đổi mới các thể chế trên phải theo các nguyên tắc của thị trường. Theo các xu hướng phát triển của thế giới và phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Giảm chi tiêu của Chính phủ theo hướng: giảm biên chế, bộ máy không cần thiết, giảm các hội hè, khai trương, khánh thành tốn kém, giảm đầu tư sản xuất kinh doanh, ...

\*

\*

\*

Cuộc khủng hoảng kinh tế đang tiếp diễn với những dự báo ngày càng xấu hơn, ở tầm thế kỷ và có thể ở mức nghiêm trọng nhất, do vậy sẽ ảnh hưởng sâu rộng đến nước ta. Những ý kiến trên đây chỉ là bước đầu suy nghĩ, chắc chắn cần phải được cập nhật, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với thực tế, và cũng hoàn toàn chưa tương xứng với tầm cỡ của cuộc khủng hoảng hiện nay♦